

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/ 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2019/HNGĐ – TLST ngày 26/12/2019 về “ *Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28A/2020/QĐ - ST ngày 24/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐ-ST ngày 19/5/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh ngày 06/11/1976 (vắng mặt).

HKTT: KDC T, phường L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1979 (vắng mặt).

HKTT:KDC T, phường L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Ma cao, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị Q tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã L, huyện C (nay là phường L, thành phố C) ngày 02/7/1997. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do năm 2003 chị Q đi Đài Loan lao động, khi hết thời hạn 3 năm chị Q về Việt Nam, trong thời gian một tháng chị Q ở nhà hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, chị Q tiếp tục làm thủ tục đi Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, từ đó hai bên cắt đứt liên

lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Trần Thị A, sinh ngày 13/5/1998, hiện nay cháu đã trưởng thành, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do anh K không cung cấp được địa chỉ của chị Q tại Ma Cao- Trung Quốc, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình chị Q, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Q tại Trung Quốc. Ông Đặng Văn B là bố đẻ chị Q xác định chị Q hiện lao động tại Ma Cao, Trung Quốc, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị Q nên không cung cấp được cho Tòa án được. Tuy nhiên chị Q thường xuyên liên lạc về gia đình, ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Q biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông B xác định đã thông tin cho chị Q biết. Chị Q có quan điểm đồng ý ly hôn. Về tài sản cả hai đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K không cung cấp được địa chỉ của chị Q ở Trung Quốc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị Q cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn

bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục tố tụng địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh K có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn K và chị Đặng Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C (nay là phường L, thành phố C) ngày 02/7/1997, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không quan tâm đến nhau. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị Q cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh K. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

- *Về con chung*: Anh Trần Văn K và chị Đặng Thị Q có 01 con chung là Trần Thị A, sinh ngày 13/5/1998. Hiện cháu đã trưởng thành nên khi giải quyết ly hôn, Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn K được ly hôn chị Đặng Thị Q.

2. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000729 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Đặng Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- UBND phường L.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền